



The Asian International School

LIST OF EXCELLENT STUDENTS - THE FIRST SEMESTER
CAO THANG CAMPUS
SCHOOL YEAR 2014 - 2015

No.	STUDENT'S FULL NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
1	Nguyễn Phạm Mai Anh	Starter 1	9.5	A
2	Nguyễn Văn Đạt	Starter 1	9.0	A
3	Lâm Quế Mẫn	Starter 1	9.4	A
4	Lê Tự Minh Anh	Starter 2	9.4	A
5	Khúc Nhã Mỹ Duyên	Starter 2	9.0	A
6	Lê Nguyễn Hải Đăng	Starter 2	9.1	A
7	Nguyễn Gia Huy	Starter 2	9.0	A
8	Hồ Phương Kiệt	Starter 2	9.3	A
9	Nguyễn Văn Hoàng Phúc	Starter 2	9.0	A
10	Trang Kiến Quốc	Starter 2	9.1	A
11	Hồ Hoàng Bảo Trâm	Starter 2	9.5	A
12	Hà Vũ	Starter 2	9.4	A
13	Hoàng Hồ Ngọc Hân	Starter 3	9.1	A
14	Trần Hoàng Kha	Starter 3	9.3	A
15	Trần Cao Khánh Ngọc	Starter 3	9.4	A
16	Trịnh Duy Tâm	Starter 3	9.1	A
17	Vũ Kim Bình	Starter 4	9.3	A
18	Lý Tuấn Đạt	Starter 4	9.2	A
19	Nguyễn Trần Nguyên Thảo	Starter 4	9.0	A
20	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	Starter 4	9.3	A
21	Nguyễn Khánh Linh	Starter 5	9.3	A
22	Dương Vũ Minh	Starter 5	9.1	A
23	Võ Hoàng Quyên	Starter 5	9.2	A
24	Thái Như Thảo	Starter 5	9.5	A
25	Ngô Bảo Ngân	Starter 6	9.0	A
26	Lưu Thụy Du	Starter 7	9.6	A
27	Nguyễn Thụy Yến Nhi	Starter 7	9.0	A
28	Nguyễn Thanh Thư	Starter 7	9.1	A
29	Nguyễn Thế Thông Tuệ	Starter 7	9.2	A
30	Nguyễn Lê Ý Vy	Starter 7	9.6	A
31	Huỳnh Đỗ Nguyên Đan	Starter 8	9.2	A
32	Lương Trí Nhã	Starter 8	9.6	A
33	Phạm Ngọc Tú Nhi	Starter 8	9.3	A
34	Lý Ngọc Nhi	Starter 8	9.3	A

35	Lương Minh Vũ	Starter 8	9.3	A
36	Lê Hoàng Khánh Vy	Starter 8	9.5	A
37	Thái Hoàng Vân Khanh	Starter 9	9.4	A
38	Trần Linh Mẫn	Starter 9	9.2	A
39	Trần Thu Minh	Starter 9	9.2	A
40	Đỗ Thái Bảo	Starter 10	9.0	A
41	Nguyễn Tất Thu Hoàn	Starter 10	9.2	A
42	Mina Quỳnh Anh Phạm	Starter 10	9.5	A
43	Ngô Hoàng Bảo Trân	Starter 10	9.0	A
44	Nguyễn Khánh Đoan	Starter 11	9.1	A
45	Trần Duy Khang	Starter 11	9.3	A
46	Lê Xuân Nhật Dương	Starter 12	9.0	A
47	Nguyễn Trí Hào	Starter 12	9.1	A
48	Nguyễn Mai Hân	Starter 12	9.1	A
49	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	Starter 12	9.2	A
50	Huỳnh Khởi Vinh	Starter 12	9.3	A
51	Trần Kim Châu	Starter 13	9.6	A
52	Châu Tấn Đạt	Starter 13	9.1	A
53	Trần Minh Hạnh	Starter 13	9.0	A
54	Nguyễn Minh Khang	Starter 13	9.4	A
55	Nguyễn Đăng Khoa	Starter 13	9.4	A
56	Phạm Minh Tường Lam	Starter 13	9.5	A
57	Ong Hải Yến	Starter 13	9.1	A
58	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Starter 13	9.5	A
59	Loo Shi Minh	Intermediate 1	9.4	A
60	Phạm Dương Minh Quang	Intermediate 1	9.4	A
61	Đỗ Trần Minh Thư	Intermediate 1	9.3	A
62	Phạm Trọng Khôi	Intermediate 3	9.2	A
63	Giang Ngọc Phương	Intermediate 3	9.2	A
64	Nguyễn Trần Ánh Thơ	Intermediate 3	9.1	A
65	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Intermediate 3	9.1	A
66	Đỗ Khiết Quân	Intermediate 4	9.2	A
67	Nguyễn Anh Đào	Intermediate 5	9.1	A
68	Hoàng Thị Thanh Lam	Intermediate 5	9.3	A
69	Bùi Lê Phương My	Intermediate 6	9.3	A
70	Đàm Tuấn Minh	Intermediate 6	9.2	A
71	Trần Hạo Nguyên	Intermediate 6	9.2	A
72	Đinh Ngọc Khánh	Intermediate 7	9.1	A
73	Nguyễn Dương Quỳnh Nhi	Intermediate 7	9.1	A
74	Đỗ Hải Anh	Intermediate 9	9.4	A
75	Nguyễn Quốc Thiên Anh	Intermediate 9	9.2	A
76	Phạm Quỳnh Giao	Intermediate 9	9.0	A

77	Chung Nhất Như	Intermediate 9	9.0	A
78	Lê Thiên Phúc	Intermediate 9	9.4	A
79	Lữ Kim Thanh	Intermediate 9	9.1	A
80	Nguyễn Duy Long	Intermediate 10	9.0	A
81	Bành Ngọc Thanh	Intermediate 10	9.1	A
82	Nguyễn Tấn Hưng	Toefl iBT Beginner 1	9.0	A
83	Trương Thanh Thanh	Toefl iBT Beginner 1	9.0	A
84	Dương Anh Duy	Toefl iBT Intermediate 3	9.4	A
85	Quách Phương Toàn	Toefl iBT Intermediate 3	9.1	A
86	Phan Khánh	Toefl iBT Intermediate 3	9.2	A
87	Vũ Nguyễn Việt Phúc	Toefl iBT Intermediate 3	9.1	A
88	Nhan Thiên Tường	Toefl iBT Intermediate 3	9.3	A
89	Lý Gia Yến	Toefl iBT Intermediate 3	9.3	A
90	Cao Quỳnh Anh	Toefl iBT Intermediate 3	9.1	A
91	Hà Mỹ Thi	Toefl iBT Intermediate 3	9.4	A
92	Hà Mỹ Yến	Toefl iBT Advanced	9.3	A
93	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Toefl iBT Advanced	9.0	A

Ho Chi Minh City, December 31 , 2014

Written by

Principal

Executive IP. Manager

Duong Tran Diem Han

Checked by

NGUYEN LE THANH TRUC

Pham Duc Quynh

Bieu Thuy Thoai My



The Asian International School

LIST OF EXCELLENT STUDENTS - THE FIRST SEMESTER

CAO THANG CAMPUS

SCHOOL YEAR 2014 - 2015

No.	STUDENT'S FULL NAME		CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
1	Vuong Que	Chi	Elementary 1	9.4	A
2	Le Hong	Phuc	Elementary 1	9.0	A
3	Pham Duong Diem	Quynh	Elementary 1	9.2	A
4	Nguyen Dan	Quynh	Elementary 1	9.0	A
5	Tran Doan Quynh	Van	Elementary 1	9.2	A
6	Lam Kha Thanh	Dat	Elementary 2	9.1	A
7	Trieu Thi Nhu	Ngoc	Elementary 2	9.4	A
8	Vu Ngoc Thanh	Thao	Elementary 2	9.3	A
9	Giang Hy	Tien	Elementary 2	9.5	A
10	Tran Thi Hoang	Yen	Elementary 2	9.1	A
11	Nguyen Hoang Tri	Cuong	Elementary 3	9.5	A
12	Do Le Y	Duyen	Elementary 3	9.4	A
13	Tieu Hoang	Long	Elementary 3	9.1	A
14	Dai	Man	Elementary 3	9.4	A
15	Nguyen Tran Thinh	Tri	Elementary 3	9.5	A
16	Ly Gia	An	Elementary 4	9.1	A
17	Nguyen Do Gia	Hy	Elementary 4	9.0	A
18	Tran Khoi	Nguyen	Elementary 5	9.0	A
19	Hoang Tuan	Cam	Elementary 6	9.4	A
20	Bui Le Bao	Chau	Elementary 6	9.3	A
21	Dao Hoang Chieu	Anh	Elementary 7	9.3	A
22	Luong Thuc	Nghi	Elementary 7	9.3	A
23	Tran Thuy Hoang	Tran	Elementary 7	9.2	A
24	Truong Y	Vy	Elementary 7	9.0	A
25	Nguyen Dac Manh	Cang	Elementary 8	9.2	A
26	Ha Vu	My	Elementary 8	9.0	A
27	Le Huynh Kim	Ngoc	Elementary 8	9.1	A
28	Huynh Ba Thao	Nhi	Elementary 9	9.0	A
29	Trinh Khai	Vinh	Elementary 9	9.0	A
30	Chuong Dao Gia	Gia	Elementary 10	9.2	A
31	Truong My	Linh	Elementary 10	9.6	A
32	Dang Binh	Cathy	Elementary 11	9.2	A
33	Pham Nguyen Xuan	Mai	Elementary 11	9.1	A
34	Nguyen Ngoc	Minh	Elementary 11	9.4	A
35	Nguyen Ngoc Bao	Nghi	Elementary 11	9.1	A
36	Ho	Nhu	Elementary 11	9.0	A
37	Vo Minh	Hoang	Elementary 12	9.3	A
38	Lam The	Duong	Pre-Intermediate 1	9.6	A

39	Nguyen Chau Y	Tien	Pre-Intermediate 1	9.1	A
40	Nguyen Dinh Bao	Han	Pre-Intermediate 2	9.4	A
41	Huynh Le	Lam	Pre-Intermediate 2	9.3	A
42	Lam Thuc	Nghi	Pre-Intermediate 2	9.3	A
43	Do Ngoc Thao	Nhi	Pre-Intermediate 2	9.4	A
44	Duong Bich	Van	Pre-Intermediate 2	9.2	A
45	Truong Duc	Khai	Pre-Intermediate 3	9.1	A
46	Pham Le Quynh	Nguyen	Pre-Intermediate 3	9.5	A
47	Ho Cong Khanh	Van	Pre-Intermediate 3	9.4	A
48	Tran Khiet	Anh	Pre-Intermediate 4	9.0	A
49	Tran Mary	Anne	Pre-Intermediate 4	9.1	A
50	Quan Tu	Dinh	Pre-Intermediate 4	9.1	A
51	Nguyen Ho Hoang	Long	Pre-Intermediate 4	9.1	A
52	Tran Ngoc Truc	Quynh	Pre-Intermediate 4	9.4	A
53	Le Nguyen Minh	Thy	Pre-Intermediate 4	9.0	A
54	La Phuong	Uyen	Pre-Intermediate 4	9.4	A
55	Quach Nhu	Cat	Pre-Intermediate 5	9.4	A
56	Tran Duc	Khoi	Pre-Intermediate 5	9.1	A
57	Nguyen Le Gia	Linh	Pre-Intermediate 5	9.6	A
58	Le Phuong	Vy	Pre-Intermediate 5	9.4	A
59	Vo Nguyen Minh	Doan	Pre-Intermediate 6	9.4	A
60	Le Vu Dan	Phuong	Pre-Intermediate 6	9.0	A
61	Huynh Anh	Thu	Pre-Intermediate 6	9.0	A
62	Duong Bao	Vy	Pre-Intermediate 6	9.2	A
63	Nguyen Thi Cam	Tien	Pre-Intermediate 7	9.0	A
64	Lu Gia	Huy	Pre-Intermediate 8	9.2	A
65	Nguyen Quoc Khanh	Tuyen	Pre-Intermediate 8	9.2	A
66	Au Duong Thien	An	Pre-Intermediate 9	9.1	A
67	Nguyen Pham Thien	An	Pre-Intermediate 9	9.5	A
68	Hoach Hue	Chanh	Pre-Intermediate 9	9.2	A
69	Le Thao	My	Pre-Intermediate 9	9.4	A
70	Tran Thien	Nhan	Pre-Intermediate 9	9.3	A
71	Thai Uyen	Nhan	Pre-Intermediate 9	9.4	A
72	Nguyen Thi Thuy	Tien	Pre-Intermediate 9	9.6	A
73	Phung Trinh Van	Anh	Pre-Intermediate 10	9.5	A
74	Tran Kim	Dung	Pre-Intermediate 10	9.2	A
75	Nguyen Tran Thien	Huong	Pre-Intermediate 10	9.4	A
76	Nguyen Do	Khang	Pre-Intermediate 10	9.1	A
77	Pham Minh Thuy	Lam	Pre-Intermediate 10	9.2	A
78	Nguyen Trong Thuy	Linh	Pre-Intermediate 10	9.2	A
79	Truong Xuan	Nghi	Pre-Intermediate 10	9.1	A
80	Truong Tri	Nguyen	Pre-Intermediate 10	9.5	A
81	Thai Nhac	Tu	Pre-Intermediate 10	9.5	A
82	Ly Uyen	Linh	Pre-Intermediate 11	9.4	A
83	Phan Hoang	Nhien	Pre-Intermediate 11	9.5	A

84	Tran Minh	Nhu	Pre-Intermediate 11	9.1	A
85	Pham My	Anh	Pre-Intermediate 12	9.0	A
86	Phan Ky	Duy	Pre-Intermediate 12	9.1	A
87	Gia Thanh	Ha	Pre-Intermediate 12	9.5	A
88	Le Hoang Triet	Minh	Pre-Intermediate 13	9.1	A
89	Vuong Hoan	Thu	Pre-Intermediate 13	9.0	A
90	Nguyen Ngoc	Anh	Upper-Intermediate 1	9.0	A
91	Quach Boi	Boi	Upper-Intermediate 1	9.5	A
92	Nguyen Tuan Dang	Huy	Upper-Intermediate 1	9.0	A
93	Nguyen Tuan	Loc	Upper-Intermediate 1	9.1	A
94	Nguyen Quynh	Nhi	Upper-Intermediate 1	9.3	A
95	Truong	Sam	Upper-Intermediate 1	9.1	A
96	O Gia	Han	Upper-Intermediate 2	9.2	A
97	Doan Bach Xuan	Mai	Upper-Intermediate 2	9.4	A
98	To Ngoc My	Di	Upper-Intermediate 3	9.4	A
99	Hoang Tran Thien	Huong	Upper-Intermediate 3	9.1	A
100	Nguyen Thi Kim	Ngan	Upper-Intermediate 3	9.1	A
101	Duong Quang	Hien	Upper-Intermediate 4	9.0	A
102	Ho Dang Nhu	An	Upper-Intermediate 5	9.1	A
103	Mai Phuong	Anh	Upper-Intermediate 5	9.3	A
104	Nguyen Hoang Hien	Duong	Upper-Intermediate 5	9.0	A
105	Duong Hy	Linh	Upper-Intermediate 5	9.4	A
106	Duong Khanh	Linh	Upper-Intermediate 5	9.6	A
107	Tran Xao	Vinh	Upper-Intermediate 5	9.3	A
108	Tran Lan	Anh	Upper-Intermediate 6	9.2	A
109	Le Luong Le	Linh	Upper-Intermediate 6	9.1	A
110	Tran Le Quynh	Nhu	Upper-Intermediate 6	9.1	A
111	Huynh Tan	Phu	Upper-Intermediate 7	9.1	A
112	Huynh Phoi	Quan	Upper-Intermediate 7	9.0	A
113	Quach Hai	Trieu	Upper-Intermediate 7	9.0	A
114	Doan Phung	Nhi	Upper-Intermediate 8	9.3	A
115	Vo Thanh	Nhi	Upper-Intermediate 8	9.4	A
116	Khuu Ngoc Tam	Quynh	Upper-Intermediate 8	9.2	A

Ho Chi Minh City, December 31 , 2014

Written by

Principal

Executive IP. Manager

Checked by

NGUYEN LE THANH TRUC

Nguyen Thi Hong Dung

Vo Trang Chieu